TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày 14-01-2021
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Bích Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thực
2. Bà Trần Thị Nơi

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2020/TLST- HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc: " Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1982 (có mặt)
Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
Nơi ở hiện nay: Khu N, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Khu N, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân T kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Uỷ ban nhân dân (viết tắt UBND) thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 17-11-2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, hay xảy ra cãi nhau. Mặc dù chị đã để thời gian hai vợ chồng suy nghĩ nhưng vẫn không khắc phục được. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào tháng 8 năm 2020 dương lịch, mặc dù hai vợ chồng sống chung

cùng một nhà nhưng vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện Hưng Hà giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 30-9-2005 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27-10-2011. Nếu ly hôn chị xin được trực tiếp tục nuôi cả 02 con, yêu cầu anh T góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về chia tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và tại biên bản hòa giải, tại đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 16-12-2020, anh Nguyễn Xuân T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thu N kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 17-11-2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào tháng 7 âm lịch năm 2020, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh về đoàn tụ. Trường hợp chị N cố tình xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 30-9-2005 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27-10-2011. Nếu ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi con Nguyễn Tiến T1, nhường chị N nuôi con Nguyễn Tiến Đ, không bên nào phải góp cấp dưỡng nuôi con cho bên nào, đôi bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Về chia tài sản chung: Anh và chị N tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì điều kiện công việc bận, anh đề nghị Tòa án cho anh xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa anh và chị N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát sự tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Nguyễn Thị Thu N được ly hôn anh Nguyễn Xuân T; về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 30-9-2005 anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27-10-2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N và anh T không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau, đôi bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết; về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thị Thu N khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Xuân T, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Anh T có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình quyết định đưa vụ án ra xét xử và xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thu N kết hôn với anh Nguyễn Xuân T tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 17-11-2004, là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hòa thuận, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, chị N và anh T không khắc phục được đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Hội đồng xét xử thấy: Chị N và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được, chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh T, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị N và anh T có 02 con chung là Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 30-9-2005 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27-10-2011. Xét thấy con chung là Đ còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ và để đảm bảo điều kiện được chăm sóc đối với 02 con chung nên cần giao con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27-10-2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 30-9-2005 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về chia tài sản chung:* Chị N và anh T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà về hướng giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Chị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu N và anh Nguyễn Xuân T.

2.Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27-10-2011. Giao cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 30-9-2005. Không bên nào phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào, chị N và anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 6196 ngày 02-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (chị N đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Xuân T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND thị trấn Hưng Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bích Thủy